TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T , sinh năm 1983; cư trú tại: ấp Hòa Lập, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn Đ , sinh năm 1982; cư trú tại: ấp Hòa Lập, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2020 trong qúa trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Đ chung sống vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ .

Về con chung: Có 02 người con tên Phan Linh K , sinh ngày 12/9/2001 và Phan Tú T , sinh ngày 07/5/2004, hiện cháu T đang ở cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu T , cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Bà T xác định không có.

Trong qúa trình giải quyết bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống đúng như bà T trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống do vợ chồng thiếu nợ nên bà T cùng các con đi Long An làm lấy tiền trả nợ chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì trong cuộc sống. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn, ông không đồng ý vì ông xác định vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Có 02 người con tên Phan Linh K , sinh ngày 12/9/2001 và Phan Tú T , sinh ngày 07/5/2004, hiện cháu T đang ở cùng chị T . Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu T , cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Ông Đ xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Vào ngày 15/5/2020 ông Đ có đơn từ chối tham gia xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ .

[2] *Về hôn nhân*. Bà T với ông Đ chung sống vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ . Ông Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trong cuộc sống và không đồng ý ly hôn. Do bà T với ông Đ chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà T với ông Đ là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Phan Tú T , sinh ngày 07/5/2004, hiện cháu Trinh đang sống cùng bà T . Khi ly hôn bà T và ông Đ đều yêu cầu được nuôi cháu T , cấp dưỡng nuôi con không đăt ra xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu T vào ngày 28/5/2020 cháu T có nguyện vọng ở với mẹ là bà T . Do đó, cần giao cháu T cho bà Thúy tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: Bà T và ông Đ xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị T với ông Phan Văn Đ là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Tú T , sinh ngày 07/5/2004 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010487 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam